



VFA AUDITING COMPANY LTD
FINANCE - AUDIT - ACCOUNTING

No 1603- 16th Floor - 24T1 Building - Trung Hoa - Cau Giay - Hanoi
Tel: (844) 6 2512 482 Fax: (844) 6 2512 821 www.vfa.com.vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BAN SAO

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4100258955 đăng ký lần đầu ngày 31/7/2010 (chuyển đổi từ Công ty Nhà nước là Công ty Cấp thoát nước Bình Định).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 68.719.128.473 VNĐ.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Quản lý sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Quản lý, duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước;
- Hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu;
- Tư vấn lập dự án và thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Thi công xây lắp, sửa chữa công trình cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Dũng

Giám đốc

Ông Đặng Đình Lân

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Châu

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được Công ty TNHH Kiểm toán VFA kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc thiết lập các cơ chế kiểm soát các giao dịch với các bên liên quan, đảm bảo tính khách quan cũng như quyền và lợi ích của Công ty trong các giao dịch này. Báo cáo tài chính của Công ty phải trình bày đầy đủ số liệu và thông tin về quan hệ tài sản, công nợ tại ngày lập báo cáo, cũng như các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cam đoan không có thông tin về các bên liên quan nào khác cần được trình bày hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Trần Thanh Dũng và đại diện Ban Giám đốc,

Trần Thanh Dũng
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số CT... 450... 9... Số 2013...
Ngày... 26... tháng 2... năm...
Phó Chủ tịch UBND P.Quang Trung



Nguyễn Bích Trâm



Số: 01. /2013/VFA - BCKT

BẢN SAO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo của Công ty được lập ngày 15/01/2013, trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Công việc kiểm toán này nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính trên cơ sở công tác kế toán và hoạt động báo cáo tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mà không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng. Việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các Công trình xây dựng cơ bản dở dang và ghi nhận giá trị các Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

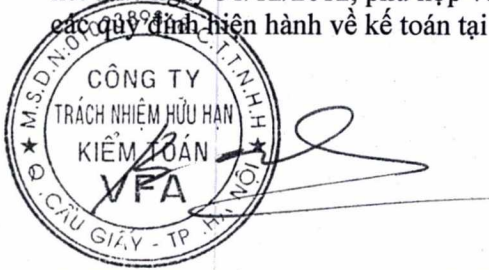
Kiểm toán viên không được tham gia quan sát kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2012; các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Đỗ Quốc Bảo
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1373/KTV

Trần Xuân Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1317 /KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA
Hà nội, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số CT.....460..... Q.Số 02.....
Ngày...26...tháng 02...2013.....
Phó Chủ tịch UBND P.Quang Trung



Nguyễn Bích Trâm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN SAO
Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.627.683.143	58.317.409.750
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.504.605.446	23.890.045.821
Tiền	111		1.097.195.801	1.996.510.568
Các khoản tương đương tiền	112		10.407.409.645	21.893.535.253
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.531.904.105	3.772.006.883
Đầu tư ngắn hạn	121		2.531.904.105	3.772.006.883
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.908.207.960	9.829.891.830
Phải thu khách hàng	131		7.926.872.627	7.575.654.190
Trả trước cho người bán	132		734.544.136	1.832.924.136
Các khoản phải thu khác	135	5.3	246.791.197	421.313.504
Hàng tồn kho	140		15.550.485.893	18.493.878.006
Hàng tồn kho	141	5.4	15.550.485.893	18.493.878.006
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.132.479.739	2.331.587.210
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	105.752.191
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.132.479.739	2.225.835.019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.879.156.900	341.820.817.575
Tài sản cố định	220		368.235.586.469	340.015.944.940
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	361.903.760.536	326.516.448.202
- Nguyên giá	222		490.552.141.627	433.657.777.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.648.381.091)	(107.141.328.820)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	6.331.825.933	13.499.496.738
Tài sản dài hạn khác	260		9.643.570.431	1.804.872.635
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	9.643.570.431	1.804.872.635
TỔNG TÀI SẢN	270		419.506.840.043	400.138.227.325



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		310.052.193.307	305.259.998.474
Nợ ngắn hạn	310		32.785.655.549	33.190.825.190
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	7.114.874.000	7.114.874.000
Phải trả người bán	312		1.570.528.606	474.959.130
Người mua trả tiền trước	313		146.399.971	391.004.316
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.305.988.359	973.888.124
Phải trả người lao động	315		6.897.851.833	6.439.571.945
Chi phí phải trả	316	5.11	14.407.208.423	15.474.408.423
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	217.131.811	95.721.034
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.125.672.546	2.226.398.218
Nợ dài hạn	330		277.266.537.758	272.069.173.284
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	277.266.537.758	271.288.139.727
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	781.033.557
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.454.646.736	94.878.228.851
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	106.531.665.144	90.591.364.759
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.836.265.806	79.914.556.475
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.790.829.142	7.097.439.004
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.904.570.196	3.579.369.280
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.922.981.592	4.286.864.092
Nguồn kinh phí	432	5.15	2.922.981.592	4.286.864.092
TỔNG NGUỒN VỐN	440		419.506.840.043	400.138.227.325

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			1.622.143.700	1.622.143.700
4. Nợ khó đòi đã xử lý			39.319.225	39.319.225

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số tờ... 26... số... 02... năm... 2013
Ngày... tháng... năm...
Phó Chủ tịch UBND P.Quang Trung



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Nguyễn Văn Châu

Trần Thanh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

BẢN SAO

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	91.748.929.706	77.931.721.211
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.2	36.798.255	44.879.595
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.3	91.712.131.451	77.886.841.616
Giá vốn hàng bán	11	6.4	75.076.870.281	61.321.094.759
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.635.261.170	16.565.746.857
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.946.093.590	4.409.787.567
Chi phí tài chính	22		7.366.776.365	7.634.494.052
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.366.776.365	7.634.494.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.717.989.341	7.201.702.401
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.496.589.054	6.139.337.971
Thu nhập khác	31	6.6	888.268.046	722.737.572
Chi phí khác	32	6.7	48.844.895	140.492.071
Lợi nhuận khác	40		839.423.151	582.245.501
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.336.012.205	6.721.583.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.084.003.053	1.680.395.868
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.252.009.152	5.041.187.604

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Signature)

(Signature)



(Signature)

Trần Nguyễn Hạnh Lan

Nguyễn Văn Châu

Trần Thanh Dũng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số CT: 260/02/Số 2013
Ngày: 26 tháng 02 năm 2013
Phó Chủ tịch UBND P. Quang Trung



(Signature)
Nguyễn Bích Trâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

BẢN SAO

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		95.851.910.637	80.850.974.071
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(38.825.477.378)	(47.132.897.059)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(33.881.816.928)	(22.743.198.247)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(8.433.976.365)	(8.701.694.051)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(1.273.196.546)	(1.676.823.651)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		135.100.430	3.636.270.114
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.405.520.480)	(14.252.386.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.167.023.370	(10.019.755.743)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.820.989.755)	(209.995.865)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(14.365.873.292)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.581.365.229	47.696.579.643
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.802.034.781	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.437.589.745)	33.120.710.486
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	25.669.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.114.874.000)	(7.114.874.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.114.874.000)	(7.089.205.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.385.440.375)	16.011.749.743
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.890.045.821	7.878.296.078
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	11.504.605.446	23.890.045.821

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số CT: 480 Q.Số: 02
Ngày: 26 tháng 02 năm 2013
Phó Chủ tịch UBND P. Quang Trung



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Nguyễn Văn Châu

Trần Thanh Dũng



Nguyễn Bích Trâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

BẢN SAO

1.1 Khái quát chung

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4100258955 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 2010 (chuyển đổi từ Công ty Nhà nước là Công ty Cấp thoát nước Bình Định).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 68.719.128.473 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Quản lý sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Quản lý, duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước;
- Hút và xử lý chất thải bề phốt hầm cầu;
- Tư vấn lập dự án và thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Thi công xây lắp, sửa chữa công trình cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Hàng tồn kho kế toán chi tiết theo phương pháp kê khai thường xuyên, Giá vốn của hàng hoá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 6

4.4 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đầu nối và duy trì đầu nối bao gồm giá trị đồng hồ nước xuất dùng, chi phí nhân công, chi phí vật tư lắp đặt... đang được Công ty phân bổ từ 03 đến 05 năm căn cứ theo các văn bản sau:

- Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 và Nghị định 124/2011/NĐ - CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư số 01/2008/TT - BXD ngày 02/01/2008 và Thông tư số 01/2008/TT - BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định số 117/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Phương án xây dựng giá nước sạch tại Xí nghiệp cấp nước số 1, số 2 và Công ty Cấp thoát nước Bình Định ngày 06/01/2010 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định;
- Biên bản cuộc họp về việc thông qua kết quả thẩm định giá bán nước máy của Công ty Cấp thoát nước Bình Định;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.5 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.6 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.7 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được hạch toán theo phương pháp khấu trừ: thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ kế toán;

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty hiện hành là 25%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.8 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền mặt	30.794.520	265.295.485
Tiền gửi ngân hàng	1.066.401.281	1.731.215.083
Các khoản tương đương tiền	10.407.409.645	21.893.535.253
Cộng	11.504.605.446	23.890.045.821

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại:		
- Ngân hàng Công thương - CN Phú Tài	2.531.904.105	3.772.006.883
Cộng	2.531.904.105	3.772.006.883

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Ban QLDA cấp nước & vệ sinh TP Quy Nhơn	168.017.511	168.017.511
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng Công thương - CN Bình Định	5.114.615	37.165.093
- Ngân hàng Công thương - CN Phú Tài	26.556.805	135.719.199
- Ngân hàng Ngoại thương - CN Quy Nhơn	16.025.000	54.249.998
- Ngân hàng Đầu tư - CN Phú Tài	9.245.000	17.352.222
- Ngân hàng Đầu tư - CN Bình Định	2.125.000	8.100.000
- Ngân hàng Hàng Hải - CN Bình Định	10.181.250	-
Hưởng lương BHXH	7.517.161	-
Các khoản phải thu khác	2.008.855	709.481
Cộng	246.791.197	421.313.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.049.241.788	17.919.498.569
Công cụ, dụng cụ	242.281.972	256.867.243
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	258.962.133	317.512.194
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	15.550.485.893	18.493.878.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần có thể thực hiện được	15.550.485.893	18.493.878.006

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	3.131.069.506	2.184.448.019
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.410.233	-
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	-	41.387.000
Cộng	3.132.479.739	2.225.835.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	23.794.350.572	12.760.258.190	395.137.867.622	1.965.300.638	-	433.657.777.022
- Mua trong năm	-	2.035.215.815	-	46.600.000	32.672.000	2.114.487.815
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	15.479.113.045	7.033.322.147	5.428.724.132	-	-	27.941.159.324
- Nhận bàn giao tài sản	-	1.188.853.160	26.034.276.590	-	-	27.223.129.750
- Thanh lý, nhượng bán	-	(26.333.333)	-	-	-	(26.333.333)
- Giảm do bàn giao tài sản	-	-	(358.078.951)	-	-	(358.078.951)
Tại ngày 31/12/2012	39.273.463.617	22.991.315.979	426.242.789.393	2.011.900.638	32.672.000	490.552.141.627
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012	13.451.532.055	9.355.016.737	83.398.303.470	936.476.558	-	107.141.328.820
- Khấu hao trong năm	2.023.818.705	1.857.467.785	17.525.336.799	118.934.648	7.827.667	21.533.385.604
- Thanh lý, nhượng bán	-	(26.333.333)	-	-	-	(26.333.333)
Tại ngày 31/12/2012	15.475.350.760	11.186.151.189	100.923.640.269	1.055.411.206	7.827.667	128.648.381.091
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	10.342.818.517	3.405.241.453	311.739.564.152	1.028.824.080	-	326.516.448.202
Tại ngày 31/12/2012	23.798.112.857	11.805.164.790	325.319.149.124	956.489.432	24.844.333	361.903.760.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Đầu tư xây dựng cơ bản	6.331.825.933	13.499.496.738
Trong đó:		
- Nâng cấp và cải tạo Nhà máy XLN Phú Tài	-	10.146.318.342
- Nhà làm việc các bộ phận kỹ thuật	-	1.933.449.710
- Thay ống CN PVC D150 Đường Tháp đôi	-	83.208.041
- Bể chứa 800m ³ tại trạm Tam Quan	2.237.322.728	-
- Nhà để xe chuyên dụng, nhà kho	1.428.911.702	-
- Xây dựng hệ thống cấp nước khu Tái định cư Bùi Thị Xuân	764.055.247	-
- Bổ sung trụ cứu hỏa 2012	420.656.684	-
- Các công trình khác	1.480.879.572	1.336.520.645

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2011	617.177.014	1.804.872.635
Chi phí thay thế đồng hồ nước 2012	2.779.409.634	-
Chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2012	6.246.983.783	-
Cộng	9.643.570.431	1.804.872.635

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	7.114.874.000	7.114.874.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định khoản 110 tỷ	4.075.800.000	4.075.800.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định khoản 13 tỷ	703.008.000	703.008.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định- Dự án Bắc Sông Hà Thanh Giai đoạn 1	90.000.000	90.000.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định DA 9 thị trấn	2.246.066.000	2.246.066.000
Tổng cộng	7.114.874.000	7.114.874.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế GTGT	412.832.809	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	375.091.666	564.285.159
Thuế thu nhập cá nhân	395.069.592	203.396.003
Thuế tài nguyên	120.070.260	206.206.962
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.924.032	-
Cộng	1.305.988.359	973.888.124

5.11 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định Dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản vay 110 tỷ	14.407.208.423	15.474.408.423
Cộng	14.407.208.423	15.474.408.423

5.12 Các khoản trả phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	206.540.640	85.891.863
Phải trả khác	10.591.171	9.829.171
Cộng	217.131.811	95.721.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13 Các khoản vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay dài hạn	197.631.848.121	204.746.722.121
	83.554.060.600	87.629.860.600
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 110 tỷ (1)		
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 13 tỷ	9.139.123.721	9.842.131.721
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Bắc Sông Hà Thanh Giai đoạn 1 (2)	1.119.277.000	1.209.277.000
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Nhơn Hội (3)	34.552.697.800	34.552.697.800
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định DA 9 thị trấn(4)	64.616.689.000	66.862.755.000
Quỹ Đầu tư Phát triển- CN Bình Định DA Nhơn Phước (5)	4.650.000.000	4.650.000.000
Nợ dài hạn (*)	79.634.689.637	66.541.417.606
Ban QLDA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn	64.043.260.895	63.985.798.104
Công ty Môi trường Đô thị	2.555.619.502	2.555.619.502
Ban QLDA Vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn	13.035.809.240	-
Tổng cộng	277.266.537.758	271.288.139.727

Ghi Chú:

(1) *Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.102 ngày 18/6/2008 với Ngân hàng Phát triển – chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 110.046.760.600 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 5%/năm(bao gồm phí quản lý 0,2%), lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn.Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;*

Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.050 ngày 11/01/2010 với Ngân hàng Phát triển – chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 13.708.675.721 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 0%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;

(2) *Hợp đồng vay vốn số 28/2007/HĐTĐ ngày 27/12/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ quý 1/2009. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B – Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh,thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1);*

Hợp đồng vay vốn số 09/2009/HĐTĐ ngày 25/12/2009 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03/2011/HDĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 901.264.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 02/2012. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B – Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh,thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13 Các khoản vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

- (3) Hợp đồng vay vốn số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 34.552.697.800 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 01/2012. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1).
- (4) Khế ước nhận nợ khung vay nguồn vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định ngày 10/10/2006, với số tiền vay là 5.323.312 USD, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất vay 3%/năm, phí cho vay 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước 9 thị trấn tỉnh Bình Định theo Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Bình Định tháng 4/2006.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTD và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 4.650.000.000 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1).

5.14 Vốn của chủ sở hữu

a, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
+ Vốn của Nhà nước	94.836.265.806	79.914.556.475
Cộng	94.836.265.806	79.914.556.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.14 Vốn chủ sở hữu

b, Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2011	65.641.673.456	5.961.584.119	3.075.250.519	-	-	-	-	-	-	-	74.678.508.094
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do bán giao tài sản	13.521.998.125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.521.998.125
Lãi/Lỗ tăng trong năm	750.884.894	1.135.854.885	504.118.761	-	-	-	-	-	5.041.187.604	(5.041.187.604)	5.041.187.604
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí chuyển đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	79.914.556.475	7.097.439.004	3.579.369.280	-	-	-	-	-	-	-	90.591.364.759
Tại ngày 01/01/2012	79.914.556.475	7.097.439.004	3.579.369.280	-	-	-	-	-	-	-	90.591.364.759
Tăng do bán giao tài sản	14.664.280.510	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.664.280.510
Lãi/Lỗ tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	3.252.009.152	-	3.252.009.152
Phân phối lợi nhuận	615.507.772	693.390.138	325.200.916	-	-	-	-	-	(3.252.009.152)	-	(1.617.910.326)
Giảm do giảm nguyên giá tài sản bán giao	(358.078.951)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(358.078.951)
Tại ngày 31/12/2012	94.836.265.806	7.790.829.142	3.904.570.196	-	-	-	-	-	-	-	106.531.665.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15 Nguồn kinh phí

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	20.322.218.500	15.180.795.900
Chi sự nghiệp	21.686.101.000	14.120.215.803
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.922.981.592	4.286.864.092

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.748.929.706	77.931.721.211
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	69.759.238.243	57.651.630.460
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	19.304.717.999	13.525.855.203
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.684.973.464	6.754.235.548

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	36.798.255	44.879.595
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	36.798.255	44.879.595

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần	91.712.131.451	77.886.841.616
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	69.722.439.988	57.606.750.865
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	19.304.717.999	13.525.855.203
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.684.973.464	6.754.235.548

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng	57.093.537.975	44.701.591.084
Giá vốn cung cấp dịch vụ (công ích)	16.563.894.667	11.406.363.105
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.419.437.639	5.213.140.570
Cộng	75.076.870.281	61.321.094.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	1.946.093.590	4.409.787.567
Cộng	1.946.093.590	4.409.787.567

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý vật tư	57.690.909	353.033.113
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	5.554.105	331.756.274
Xử lý số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	781.033.557	-
Thu nhập khác	43.989.475	37.948.185
Tổng cộng	888.268.046	722.737.572

6.7 Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	41.375.964
Thanh lý vật tư	48.844.895	99.116.107
Tổng cộng	48.844.895	140.492.071

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.336.012.205	6.721.583.472
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.336.012.205	6.721.583.472
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.084.003.053	1.680.395.868
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	1.084.003.053	1.680.395.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.765.116.857	13.364.201.407
Chi phí nhân công	28.163.546.615	24.315.400.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.533.385.604	17.392.103.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.020.687.082	7.337.679.304
Chi phí khác bằng Tiền	5.887.343.140	5.291.833.074
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ kết chuyển giá vốn	424.780.324	821.578.574
Tổng cộng	82.794.859.622	68.522.797.160

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VFA kiểm toán.

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Nguyễn Hạnh Lan

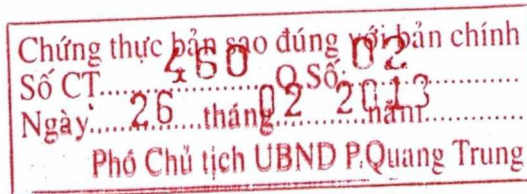
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Châu

Giám đốc



Trần Thanh Dũng



Nguyễn Bích Trâm